

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2025

Số: /QĐ-KCNKKT

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04/08/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-STC ngày 12/12/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-KCNKKT ngày /12/2025 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai *(theo Phụ lục đính kèm)*.

Điều 2. Căn cứ Quyết định công bố công khai Văn phòng có trách nhiệm công khai tại bảng thông báo và trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, Trưởng các Văn phòng Đại diện, Giám đốc các Trung tâm, các tập thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh (báo cáo);
- Ban Lãnh đạo;
- Các bộ phận, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.VP

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Phương

PHỤ LỤC

Đơn vị: Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai
Chương: 505

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ
 PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026**
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-KCNKKT ngày /12/2025 của Ban Quản lý
 các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai)*

Đvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao (Dự toán đơn vị được sử dụng)	Tổng số đã phân bổ (Dự toán đơn vị được sử dụng)	Trong đó			
				Văn phòng Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Sinh học	Trung tâm Khai thác hạ tầng Khu công nghiệp	Trung tâm Đào tạo - Cung ứng lao động kỹ thuật
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	5.900	5.900	5.900			
I	Số thu phí, lệ phí	5.900	5.900	5.900			
	- Thu phí:	5.800	5.800	5.800			
	+ Phí thẩm định Giấy phép môi trường	2.000	2.000	2.000			
	+ Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	1.200	1.200	1.200			
	+ Phí thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500	2.600	2.600	2.600			
	- Thu lệ phí:	100	100	100			
	+ Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	100	100	100			
II	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	5.900	5.900	5.900			
	- Thu phí	5.800	5.800	5.800			
	+ Phí thẩm định Giấy phép môi trường	2.000	2.000	2.000			
	+ Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	1.200	1.200	1.200			
	+ Phí thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500	2.600	2.600	2.600			
	- Thu lệ phí:	100	100	100			
	+ Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	100	100	100			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	49.072	49.072	39.093	7.060	1.500	1.419
I	Nguồn ngân sách trong nước	49.072	49.072	39.093	7.060	1.500	1.419
1	Chi quản lý hành chính	37.923	37.923	37.923			
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	20.450	20.450	20.450			
	- Chi con người	13.178	13.178	13.178			
	- Chi hoạt động (101 biên chế x 80 triệu)	7.272	7.272	7.272			
1.2	Kinh phí không thường	17.473	17.473	17.473			

	xuân/không tự chủ						
	- Kinh phí thực hiện cấp phép xây dựng	180	180	180			
	- Kinh phí thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	225	225	225			
	- Kinh phí thực hiện thẩm định cấp phép môi trường	315	315	315			
	- Kinh phí hỗ trợ một số hoạt động riêng, đặc thù	180	180	180			
	- Kinh phí sử dụng VP của Phòng Quản lý XNK khu vực Đồng Nai trực thuộc Bộ Công thương	180	180	180			
	- Kinh phí hoạt động Bản Nhật Bản (Bản Kansai đổi tên)	483	483	483			
	- Kinh phí hậu kiểm, kiểm tra giám sát dự án đầu tư	108	108	108			
	- Kinh phí tổ chức Hội nghị doanh nghiệp FDI	346	346	346			
	- Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử	117	117	117			
	- Kinh phí lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng các Khu công nghiệp	14.400	14.400	14.400			
	- Kinh phí đào tạo học tập tại Viện kỹ thuật nông nghiệp tỉnh Gyeongnam Hàn Quốc	101	101	101			
	- Kinh phí Chi phí thanh toán đợt 02: gói thầu tư vấn lập đề án chuyển đổi và mở rộng Khu công nghệ cao CNSH thành Khu Công nghệ cao Đồng Nai	208	208	208			
	- Kinh phí Công tác đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi cho Khu công nghệ cao	630	630	630			
2	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	7.060	7.060		7.060		
2.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (mã nguồn 12)	7.060	7.060		7.060		
	- Hỗ trợ hoạt động thường xuyên	4.138	4.138		4.138		
	- Kinh phí Cắt cỏ, duy trì cảnh quan, dọn dẹp vệ sinh phục vụ hoạt động thường xuyên, chăm sóc cây xanh thuộc dự án hạ tầng trong Khu Công nghệ cao CNSH	540	540		540		
	- Kinh phí Tập huấn PCCC cho nhân viên; kiểm định, bảo dưỡng định kỳ hệ thống chống sét, thiết bị PCCC	99	99		99		
	- Nạo vét bùn mương thoát nước, hố ga, trạm bơm	558	558		558		
	- Thuê dịch vụ bảo vệ tại Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học	837	837		837		
	- Kinh phí Chăm sóc vườn điều chồi giống (4.000 cây)	148	148		148		
	- Kinh phí nhiệm vụ sản xuất 50.000 cây giống Điều ghép, 10.000 cây giống cao su, 5.000 cây lâm nghiệp	319	319		319		

	- Kinh phí phòng chống cháy nổ, dọn dẹp vệ sinh, gia cố tường rào trong khuôn viên Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũ	47	47		47		
	- Kinh phí Chăm sóc vườn điều già 154 cây và vườn điều nhận chuyển giao từ TT Khuyến nông quốc gia (khoảng 300 cây)	66	66		66		
	- Kinh phí mô hình chăn nuôi Thỏ rừng lai bán chăn thả tự nhiên với quy mô 40 con cái, 08 con đực	211	211		211		
	- Kinh phí khảo sát, tham quan học tập kinh nghiệm các tỉnh trong nước	97	97		97		
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.170	1.170	1.170			
3.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (mã nguồn 12)	1.170	1.170	1.170			
4	Chi sự nghiệp kinh tế	1500	1500			1500	
4.1	Kinh phí hoạt động không thường xuyên (mã nguồn 12)	1500	1500			1500	
	- Chăm sóc cây xanh KCN Đồng Xoài I	750	750			750	
	- Chăm sóc cây xanh KCN Chơn Thành II	590	590			590	
	- Tiền điện chiếu sáng 02 KCN: Đồng Xoài I, Chơn Thành II	160	160			160	
5	Chi sự nghiệp khác	1.419	1.419				1.419
5.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (mã nguồn 12)	1.419	1.419				1.419
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên	1.419	1.419				1.419